

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo Công tác xã hội

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Công tác xã hội

+ Tên tiếng Anh: Social work

Mã ngành đào tạo: 7760101

Loại hình đào tạo: Chính quy

Đơn vị cấp bằng: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

Khoa phụ trách: Khoa Công tác xã hội

Tên gọi văn bằng:

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Công tác xã hội

+ Tên tiếng Anh: Bachelor of Social work

Các chương trình đã đối sánh:

+ Chương trình đào tạo cử nhân Công tác xã hội của Đại học Lao động xã hội

+ Chương trình đào tạo cử nhân Công tác xã hội của Đại học Sư phạm Hà Nội.

+ Chương trình đào tạo cử nhân Công tác xã hội của Học viện Phụ nữ

Thời gian đào tạo: 3 - 4 năm (tối đa 6 năm)

Ngày phát hành, chỉnh sửa chương trình đào tạo: tháng 08/2023

Nơi phát hành: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1 Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Công tác xã hội có phẩm chất chính trị, trình độ và đạo đức, có kiến thức chuyên môn thực tế vững chắc, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, kiến thức chuyên sâu về công tác xã hội; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có khả năng nghiên cứu, phát hiện, trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng tự giải quyết những vấn đề của bản thân và xã hội; nghiên cứu các lĩnh vực liên quan đến thanh thiếu niên, có khả năng làm việc độc lập và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, có khả năng ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu công việc; có ý thức phục vụ nhân dân.

2.2 Mục tiêu cụ thể:

PO1: Có kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt

Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào học tập và các hoạt động nghề nghiệp; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, ngoại ngữ và tin học.

PO2: Có phẩm chất cơ bản của người hành nghề công tác xã hội như yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức nghề và có ý thức trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến nghề nghiệp.

PO3: Có kỹ năng trong can thiệp, trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng nhằm tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề của thân chủ, có kỹ năng làm việc nhóm, độc lập, có kỹ năng giao tiếp để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn

PO4. Biết các phương pháp nghiên cứu và cách thiết kế nghiên cứu trong lĩnh vực của công tác xã hội.

PO5. Phát triển năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự học và phát triển ngành công tác xã hội trong tương lai.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

3.1. Mục tiêu kiến thức

PO1 (CĐR1). Có kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước và vận dụng để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời.

PO2 (CĐR2). Vận dụng được kiến thức nền tảng, phương pháp luận, tư duy khoa học xã hội; nghiên cứu khoa học, thống kê trong khoa học xã hội, kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm... vào thực hành, nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội.

PO3 (CĐR3). Phân tích và vận dụng được các kiến thức về lý thuyết công tác xã hội, hành vi con người và môi trường xã hội, các chính sách xã hội, hệ thống dịch vụ xã hội, hệ thống phúc lợi xã hội... để trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng tự giải quyết các vấn đề của bản thân và xã hội

PO4 (CĐR 4). Vận dụng được các phương pháp, tiến trình công tác xã hội để hỗ trợ các đối tượng nhằm giải quyết các vấn đề nảy sinh.

3.2. Mục tiêu kỹ năng

PO5 (CĐR5). Có kỹ năng nhận diện và giải quyết các vấn đề trong thực tế và công việc theo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước; có kỹ năng làm việc nhóm, vận dụng được kỹ năng giao tiếp trong công việc, nghề nghiệp và các mối quan hệ xã hội.

PO6 (CĐR6). Có khả năng vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và các phương pháp nghiên cứu khoa học vào nhận diện, lý giải các vấn đề liên quan đến công tác xã hội, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học đã được công bố vào thực hành công tác xã hội.

PO7 (CĐR7). Có khả năng lựa chọn biện pháp can thiệp phù hợp với từng đối tượng dựa trên việc vận dụng các phương pháp đánh giá, áp dụng các biện pháp can thiệp cá nhân, nhóm, gia đình, cộng đồng để giải quyết các vấn đề nảy sinh.

PO8 (CĐR8). Có kỹ năng thu hút, vận động sự tham gia của cá nhân, nhóm, cộng đồng, kết nối nguồn lực trong thực hành và làm việc về lĩnh vực công tác xã hội; có kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng.

PO9 (CĐR9). Lập được các kế hoạch phát triển nghề nghiệp và triển khai các hoạt động tự học tập. Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp học tập, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp của bản thân. Tự đánh giá và điều chỉnh bản thân trong quá trình phát triển nghề nghiệp.

PO10 (CĐR10). Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014

PO11 (CĐR12). Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ tin học văn phòng trình độ cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014

3.3 Tự chủ, tự chịu trách nhiệm

PO12 (CĐR12). Chấp hành nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của công dân, tích cực tham gia các hoạt động chính trị, xã hội. Tôn trọng quyền con người, các giá trị cá nhân và xã hội, tôn trọng công bằng xã hội.

PO13 (CĐR13). Thực hiện tốt nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp: Xác định được những sai phạm liên quan đến đạo đức nghề nghiệp và đề xuất, lựa chọn giải pháp phù hợp để giải quyết vấn đề.

PO14 (CĐR14). Tạo dựng được niềm tin, tình yêu nghề và giá trị cốt lõi của nghề. Có ý thức trách nhiệm với bản thân, những người xung quanh và có tinh thần trách nhiệm đối với nghề nghiệp.

PO15 (CĐR15). Ý thức được vai trò và ý nghĩa của tự học, tự nghiên cứu suốt đời đối với nghề nghiệp công tác xã hội; coi trọng việc tìm kiếm và lựa chọn các tri thức, phương pháp tự học tập tự nghiên cứu để phục vụ cho cuộc sống và sự phát triển nghề nghiệp của bản thân.

PO16 (CĐR16). Hình thành bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, tích cực chủ động tham gia các hoạt động xã hội nói chung, của Đoàn thanh niên nói riêng, góp phần nâng cao chất lượng đời sống cho con người nói chung, cho thanh thiếu nhi và cho nghề công tác xã hội.

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Làm việc trong các cơ quan của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cấp từ Trung ương đến địa phương.

- Làm việc trong các cơ quan của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp từ Trung ương đến địa phương.

- Làm việc trong các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội của Nhà nước và tư nhân.

- Làm công tác xã hội tại các cơ sở quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, các cơ quan nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đào tạo, y tế, các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế.

- Làm công tác xã hội chuyên nghiệp trong các lĩnh vực khác nhau như: sức khoẻ, giáo dục, pháp luật, kinh tế, truyền thông, xã hội, văn hoá, môi trường... tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo có liên quan đến công tác xã hội.

- Là chuyên gia độc lập với vai trò là nhân viên xã hội, kiểm huấn viên, nhà nghiên cứu, chuyên gia tư vấn về công tác xã hội.

5. Mức độ đạt được của chuẩn đầu ra

Mã hoá	Chuẩn đầu ra	Mức độ
PLO1	Hiểu và vận dụng được hệ thống kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước và vận dụng để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời.	3/6
PLO2	Vận dụng được kiến thức nền tảng, phương pháp luận, tư duy khoa học xã hội; nghiên cứu khoa học, thống kê trong khoa học xã hội, kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm... vào thực hành, nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội.	3/6
PLO3	Phân tích và vận dụng được các kiến thức về lý thuyết công tác xã hội, hành vi con người và môi trường xã hội, các chính sách xã hội, hệ thống dịch vụ xã hội, hệ thống phúc lợi xã hội... để trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng tự giải quyết các vấn đề của bản thân.	3/6
PLO4	Vận dụng được các phương pháp, tiến trình công tác xã hội để hỗ trợ các đối tượng nhằm giải quyết các vấn đề nảy sinh.	4/6
PLO5	Có kỹ năng nhận diện và giải quyết các vấn đề trong thực tế và công việc theo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước; có kỹ năng làm việc nhóm, vận dụng được kỹ năng giao tiếp trong công việc, nghề nghiệp và các mối quan hệ xã hội.	4/6
PLO6	Có khả năng vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và các phương pháp nghiên cứu khoa học vào nhận diện, lý giải các vấn đề liên quan đến công tác xã hội, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học đã được công bố vào thực hành công tác xã hội.	3/5

PLO7	Có khả năng lựa chọn biện pháp can thiệp phù hợp với từng đối tượng dựa trên việc vận dụng các phương pháp đánh giá, áp dụng các biện pháp can thiệp cá nhân, nhóm, gia đình, cộng đồng để giải quyết các vấn đề nảy sinh.	4/6
PLO8	Có kỹ năng thu hút, vận động sự tham gia của cá nhân, nhóm, cộng đồng, kết nối nguồn lực trong thực hành và làm việc về lĩnh vực công tác xã hội; có kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng.	4/6
PLO9	Lập được các kế hoạch phát triển nghề nghiệp và triển khai các hoạt động tự học tập. Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp học tập, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp của bản thân. Tự đánh giá và điều chỉnh bản thân trong quá trình phát triển nghề nghiệp.	3/6
PLO10	Đọc hiểu được tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh, có thể giao tiếp cơ bản và vận dụng được thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong các hoạt động nghề nghiệp theo quy định của trình độ đào tạo bậc đại học. <i>(Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014).</i>	3/6
PLO11	Sử dụng được máy tính và các phần mềm thông dụng như word, excel, power point; khai thác, tra cứu và quản lý được các nguồn thông tin; Sử dụng được CNTT để tự học và phát triển nghề nghiệp <i>(Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ tin học văn phòng trình độ cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014).</i>	3/6
PLO12	Chấp hành nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của công dân, tích cực tham gia các hoạt động chính trị, xã hội. Tôn trọng quyền con người, các giá trị cá nhân và xã hội, tôn trọng công bằng xã hội.	4/5
PLO13	Thực hiện tốt nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp: Xác định được những sai phạm liên quan đến đạo đức nghề nghiệp và đề xuất, lựa chọn giải pháp phù hợp để giải quyết vấn đề.	4/5
PLO14	Tạo dựng được niềm tin, tình yêu nghề và giá trị cốt lõi của nghề. Có ý thức trách nhiệm với bản thân, những người xung quanh và có tinh thần trách nhiệm cao đối với nghề nghiệp.	4/6

PLO15	Ý thức được vai trò và ý nghĩa của tự học, tự nghiên cứu suốt đời đối với nghề nghiệp Công tác xã hội; coi trọng việc tìm kiếm và lựa chọn các tri thức, phương pháp tự học tập tự nghiên cứu để phục vụ cho cuộc sống và sự phát triển nghề nghiệp của bản thân.	3/6
PLO16	Hình thành bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, tích cực chủ động tham gia các hoạt động xã hội nói chung, của Đoàn thanh niên nói riêng góp phần nâng cao chất lượng đời sống cho con người nói chung, cho thanh thiếu nhi và cho nghề công tác xã hội.	4/6

6. Khối lượng kiến thức toàn khoá:

Chương trình đào tạo toàn khóa là 120 tín chỉ, trong đó 102 tín chỉ bắt buộc, 18 tín chỉ tự chọn, chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng an - ninh (8 tín chỉ).

7. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành

8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo các quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

9. Phương pháp dạy học

- Nhiều phương pháp dạy-học được áp dụng trong quá trình đào tạo như:
- Thuyết trình
- Làm việc nhóm, bài tập nhóm
- Tự học theo hướng dẫn
- Phân tích tình huống
- Sắm vai
- Thực hành thường xuyên
- Thực hành, thực tập tại các cơ sở

10. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

11. Nội dung chương trình đào tạo

11.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

STT	Khối lượng học tập	Tổng TC	LT	TH
1	Kiến thức giáo dục đại cương (Không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN)	41	29	12
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	79		
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	30	16	14
2.2	Kiến thức chuyên ngành	31	12	19
2.3	Kiến thức tự chọn	8	4	4
2.4	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
2.5	Khóa luận tốt nghiệp/môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	3	3
Tổng		120	64	56

Ghi chú: TC: tín chỉ; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành

11.2. Khối lượng các học phần

11.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
Các học phần giáo dục đại cương bắt buộc			41	29	12
1	CT1101	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
2	CT1102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
3	CT1103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	CT1104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	CT1105	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
6	XH1106	Tâm lý học đại cương	2	2	0
7	XH1107	Xã hội học đại cương	2	1	1
8	XH1108	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
9	L1109	Pháp luật đại cương	2	1	1
10	CB1110	Thống kê trong khoa học xã hội	2	1	1
11	CT1111	Khởi nghiệp trong thanh niên	2	2	0
12	CB1112	Tin học đại cương	3	1	2
13	CB1113	Tiếng Anh 1	3	2	1

14	CB1114	Tiếng Anh 2	3	1	2
15	TN1115	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên	3	3	0
16	TN1116	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên	2	1	1
Các học phần giáo dục đại cương tự chọn			4	2	2
17	CB1117	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0
18	TN1118	Vũ quốc tế	2	0	2
19	XH1119	Giới và phát triển	2	1	1
20	CT1120	Logic học đại cương	2	2	0
21	CT1121	Mỹ học Mác-Lênin	2	2	0

Ghi chú: - Không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN;

- Điểm các học phần tiếng Anh 1, tiếng Anh 2, Tin học đại cương; Giáo dục thể chất, Giáo dục QP- AN không tính vào điểm trung bình học tập.

11.2.2. Kiến thức cơ sở ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
Các học phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			30	16	14
22	XH12022	Nhập môn Công tác xã hội	2	1	1
23	XH12023	Lý thuyết Công tác xã hội	2	1	1
24	XH12024	Chính sách xã hội	2	2	0
25	XH12025	Đạo đức nghề công tác xã hội	2	1	1
26	XH12026	An sinh xã hội	2	1	1
27	TL12027	Tâm lý học tham vấn	3	2	1
28	XH12028	Hành vi con người và môi trường xã hội	2	1	1
29	XH12029	Truyền thông trong công tác xã hội	2	1	1
30	XH12030	Sức khỏe tâm thần	2	1	1
31	TL12031	Tâm lý học trường học	2	1	1
32	TL12032	Kỹ năng mềm	3	1	2
33	XH12033	Công tác xã hội trường học	2	1	1
34	XH12034	Quyền trẻ em và sự tham gia của trẻ em	2	1	1

35	CB12035 -_XH	Tiếng Anh 3	2	1	1
Các học phần kiến thức cơ sở ngành tự chọn			4	2	2
36	XH12036	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần cho thanh thiếu nhi	2	1	1
37	TL12037	Tâm lý học truyền thông	2	1	1
38	XH12038	Công tác xã hội với người cao tuổi	2	1	1
39	XH12039	Giáo dục học đại cương	2	2	0

11.2.3. Kiến thức chuyên ngành

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
Các học phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc			31	12	19
40	XH13040	Công tác xã hội cá nhân	2	1	1
41	XH13041	Công tác xã hội nhóm	2	1	1
42	XH13042	Phát triển cộng đồng	3	2	1
43	XH13043	Quản trị công tác xã hội	2	1	1
44	XH13044	Thực hành Công tác xã hội cá nhân	3	0	3
45	XH13045	Thực hành Công tác xã hội nhóm	3	0	3
46	TL13046	Tham vấn cho trẻ nghiện game, mạng xã hội và nghiện chất	2	1	1
47	XH13047	Thực hành phát triển cộng đồng	3	0	3
48	XH13048	Công tác xã hội trong bệnh viện	2	1	1
49	TL13049	Tham vấn cho thanh thiếu niên sang chấn và khủng hoảng tâm lý	2	1	1
50	XH13050	Công tác xã hội với trẻ em	3	2	1
51	XH13051	Quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy	2	1	1
52	XH13052	Công tác xã hội với người nghèo	2	1	1
Các học phần chuyên ngành tự chọn			4	2	2
53	XH13053	Công tác xã hội với người di cư và nạn nhân bị buôn bán	2	1	1
54	XH13054	Công tác xã hội với trẻ em bị ảnh hưởng thiên tai và tai nạn thương tích	2	1	1

55	XH13055	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	2	1	1
56	XH15056	Công tác xã hội với người nhiễm HIV/AIDS	2	1	1
57	XH15050	Công tác xã hội với người khuyết tật	2	1	1
58	XH15058	CTXH với cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyên giới	2	1	1

11.2.4. Thực tập tốt nghiệp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
59	XH14059	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
60	XH15060	Khoá luận tốt nghiệp/môn học thay thế khoá luận tốt nghiệp	6	3	3

11.3. Kế hoạch đào tạo theo năm

Năm thứ nhất

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	0	Triết học Mác-Lênin	3	0
2	Pháp luật đại cương	1	1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0
3	Nhập môn Công tác xã hội	1	1	Tâm lý học trường học	1	1
4	Khởi nghiệp trong thanh niên	2	0	Xã hội học đại cương	1	1
5	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu nhi	3	0	Đạo đức nghề CTXH	1	1
6	Tin học đại cương	1	2	An sinh xã hội	1	1
7				Phương pháp nghiên cứu khoa học	1	1
8				Tâm lý học đại cương	2	0
		Tổng			Tổng	17
		14				17

Năm thứ hai

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0
2	Thống kê trong khoa học xã hội	1	1	Công tác xã hội với trẻ em	2	1
3	Công tác xã hội cá nhân	1	1	Tiếng Anh 2	1	2
4	Hành vi con người và môi trường xã hội	1	1	Lý thuyết Công tác xã hội	1	1
5	Quyền trẻ em và sự tham gia của trẻ em	1	1	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên	1	1
6	Chính sách xã hội	2	0	Kĩ năng mềm	1	2
7	Tâm lý học tham vấn	2	1	Thực hành Công tác xã hội cá nhân (6 tuần)	0	3
8	Tiếng Anh 1	2	1			
		Tổng			Tổng	
		18			18	

Năm thứ ba

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Công tác xã hội trường học	1	1	Công tác xã hội trong bệnh viện	1	1
2	Tiếng Anh 3	1	1	Phát triển cộng đồng	2	1
3	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	0	Truyền thông trong CTXH	1	1
4	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần cho thanh thiếu nhi	1	1	Công tác xã hội với người nghèo	1	1
5	Công tác xã hội nhóm	1	1	Tham vấn cho thanh thiếu niên sang chấn và khủng hoảng tâm lý	1	1
6	Quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy	1	1	Thực hành phát triển cộng đồng (6 tuần)	0	3
7	Sức khỏe tâm thần	1	1			
8	Thực hành Công tác xã hội nhóm (6 tuần)	0	3			
		Tổng			Tổng	
		17			14	

Năm thứ tư

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Công tác xã hội với trẻ em bị ảnh hưởng thiên tai và tai nạn thương tích	1	1	Thực tập tốt nghiệp (8 tuần)	0	4
2	Vũ quốc tế	0	2	Viết khóa luận tốt nghiệp hoặc môn học thay thế		
3	Quản trị công tác xã hội	1	1	Công tác xã hội với người khuyết tật	1	1
4	Công tác xã hội với người cao tuổi	1	1	Công tác xã hội với người nhiễm HIV/AIDS	1	1
5	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	1	1	CTXH với cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới	1	1
6	Tham vấn cho trẻ nghiện game, mạng xã hội và nghiện chất	1	1			
		Tổng			Tổng 10	

13. Mô tả học phần

STT	Học phần	Mô tả học phần tóm tắt học phần
1	Triết học Mác-Lênin	Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững lý luận triết học Mác - Lênin; xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Kinh tế chính trị Mác-Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh

STT	Học phần	Mô tả học phần tóm tắt học phần
		đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-đến nay).
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.
6	Xã hội học đại cương	Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về Xã hội học đại cương gồm đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của Xã hội học và mối quan hệ giữa xã hội học với các môn học khác, sự ra đời và phát triển của xã hội học, các khái niệm hành về động xã hội, tương tác xã hội, cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, bất bình đẳng xã hội và xã hội hóa; Đồng thời cung cấp cho người học các phương pháp nghiên cứu xã hội học và các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, từ đó giúp cho người học có thể thiết kế và xây dựng được bảng câu hỏi phục vụ cho đề tài nghiên cứu; Môn học đi sâu vào nghiên cứu một số lĩnh vực chuyên biệt như: Xã hội học thanh niên và xã hội học về dư luận xã hội.
7	Thống kê trong khoa học xã hội	Thống kê trong khoa học xã hội là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về lý thuyết thống kê, các ứng dụng của thống kê; phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy diễn; các kiến thức sử dụng phần mềm thống kê; ứng dụng kiến thức lý thuyết đã học trong thực hành bằng phần mềm thống kê. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên vận dụng được phương pháp chọn lọc, xây dựng các bảng dữ liệu thống kê từ các nguồn khác nhau; giải thích được các số liệu và kết quả xử lý thống kê trong nghiên cứu; ứng dụng được tối thiểu một phần mềm thống kê trong xử lý dữ liệu nghiên cứu thực tế.

STT	Học phần	Mô tả học phần tóm tắt học phần
8	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu nhi	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu nhi học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác thanh thiếu nhi. Môn học bao gồm 5 chương, cụ thể: Chương 1: Nhập môn Những vấn đề cơ bản về Đoàn, Hội, Đội; Chương 2: Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về thanh niên và công tác thanh niên; Chương 3: Những vấn đề cơ bản về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Chương 4: Những vấn đề cơ bản về Hội LHTN Việt Nam và Hội Sinh viên Việt Nam; Chương 5: Những vấn đề cơ bản về Đội TNTP Hồ Chí Minh.
9	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu nhi	Nghịệp vụ công tác Đoàn, Hội, Đội là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về những vấn đề cơ bản về: Nghịệp vụ công tác giáo dục, nghịệp vụ công tác tổ chức, nghịệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, nghịệp vụ công tác văn phòng của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Nghịệp vụ công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên; Nghịệp vụ công tác thiếu nhi. Qua đó, cung cấp kiến thức cơ bản, hình thành kỹ năng và thái độ phù hợp cho sinh viên, vận dụng vào chuyên ngành học, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.
10	Pháp luật đại cương	
11	Tin học đại cương	Tin học đại cương là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thông tin, dữ liệu, phần mềm, hệ điều hành Windows, kiến trúc máy tính; kiến thức cơ bản về Internet, cách phân biệt hệ thống mạng, chia sẻ tài nguyên mạng và khai thác thông tin, tài nguyên trên mạng nhằm mục đích tự trang bị cho bản thân phương pháp học tập công nghệ mới; các kỹ năng cơ bản trong việc thao tác, sử dụng một số phần mềm thông dụng như Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint.

STT	Học phần	Mô tả học phần tóm tắt học phần
12	Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thông dụng nhất về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, văn bản và giao tiếp tiếng Anh. Môn học không đi sâu mô tả và phân tích các yếu tố ngôn ngữ và văn hóa mà thông qua bài học giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những yếu tố văn học, ngôn ngữ thông dụng nhất để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống thông dụng, phù hợp và linh hoạt trong từng ngữ cảnh cụ thể. Đồng thời môn học cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc hiểu và viết cơ bản.
13	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Trên cơ sở kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh mà sinh viên đã học ở học phần Tiếng Anh 1, học phần Tiếng Anh 2 bổ sung, ôn lại các cấu trúc ngữ pháp đã học trong học phần trước, tiếp tục giới thiệu các cấu trúc ngữ pháp mới và tăng cường vốn từ vựng với mức độ cao hơn nhằm vào các mục tiêu giúp sinh viên sử dụng Tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn.
14	Tâm lý học đại cương	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản của tâm lý học: đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học; Đặc điểm, bản chất, phân loại hiện tượng tâm lí, các khái niệm cơ bản như hoạt động, giao tiếp, tâm lí, ý thức, vô thức, chú ý; Những vấn đề về hoạt động nhận thức con người với các mức độ từ nhận thức cảm tính, trí nhớ tới nhận thức lí tính, ngôn ngữ. Đồng thời học phần còn giúp sinh viên hiểu biết về đời sống xúc cảm, tình cảm, các mức độ và quy luật của xúc cảm, tình cảm, ý chí và hành động có ý chí; Những vấn đề về nhân cách với đặc điểm, cấu trúc, các thuộc tính tâm lí của nhân cách và đặc điểm phát triển nhân cách.</p> <p>Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về tâm lý người. Đây là nội dung quan trọng để sinh viên có được những hiểu biết khi làm việc với con người.</p>

STT	Học phần	Mô tả học phần tóm tắt học phần
15	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn khoa học, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Bản chất của khoa học và nghiên cứu khoa học; Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu khoa học; Phương pháp lựa chọn đề tài khoa học và thực hiện khóa luận tốt nghiệp đại học.
16	Khởi nghiệp trong thanh niên	Khởi nghiệp trong thanh niên là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề phương pháp luận và phương pháp cụ thể về quá trình khởi nghiệp trong thanh niên. Các vấn đề lý luận về khởi nghiệp trong thanh niên tập trung vào các con đường mưu sinh cơ bản như: làm chủ, đầu tư, thực hiện kinh doanh theo hình thức nền kinh tế chia sẻ... Đồng thời, với quan điểm khởi nghiệp sáng tạo, thì khởi nghiệp trong thanh niên cũng có thể hiểu là tạo ra nhưng sản phẩm đột phá, sử dụng những công nghệ mới, xây dựng các mô hình kinh doanh mới nhằm khơi gợi các giá trị tiềm ẩn và có thể lặp lại được, mở rộng. Vì vậy, mục tiêu kiến thức của học phần là giúp sinh viên xây dựng những lý luận cơ bản cho thanh niên bắt đầu các hoạt động khởi nghiệp theo các cách khởi nghiệp truyền thống. Đồng thời giúp sinh viên hiểu được những vấn đề cốt lõi trong việc lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, lập dự án khởi nghiệp trong thanh niên và điều hành dự án khởi nghiệp trong thanh niên.
17	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ sở hình thành và phát triển của nền văn hóa Việt Nam. Môn học được chia làm 4 nội dung lớn, sắp xếp theo một trình tự logic, phù hợp với phát triển tư duy của người học. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến: Các khái niệm cơ bản (Khái niệm văn hóa, văn minh, môi trường tự nhiên, xã hội, tiếp xúc và giao lưu văn hóa); Cấu trúc, thiết chế và chức năng của văn hóa (các hình thái và mô hình văn hóa, những thành tố của văn hóa, chức năng và cấu trúc của văn hóa); Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam (từ thời tiền sử đến nay); Không gian văn hóa

STT	Học phần	Mô tả học phần tóm tắt học phần
		Việt Nam (các vùng văn hóa Tây Bắc, Việt Bắc, đồng bằng Bắc bộ, Trung bộ, Tây Nguyên, Nam bộ).
18	Vũ quốc tế	Vũ quốc tế là học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn khiêu vũ. Cụ thể, học phần hướng dẫn người học những kỹ thuật cơ bản được quốc tế hóa của một số điệu nhảy: Ba cha ta, SamBa, Rumba, ChaChaCha, Slow waltz, Tango và một số điệu nhảy khiêu vũ tập thể (Macarena, Bachata,...). Bên cạnh đó, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giao tiếp văn hóa nghệ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ cho sinh viên.
19	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nội dung và phương thức Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hệ thống chính trị. Cụ thể, Đảng lãnh đạo Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, Đảng lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Bên cạnh đó học phần làm sâu sắc nội dung và phương thức Đảng lãnh đạo Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và hệ thống chính trị cấp cơ sở.
20	Khoa học quản lý	Khoa học quản lý là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về khoa học quản lý như cơ sở hình thành hoạt động quản lý và ngành khoa học quản lý; các quan niệm, vai trò và các yếu tố cấu thành của một hệ thống quản lý, các nhân tố tác động đến hiệu quả quản lý tổ chức, các đặc điểm của khoa học quản lý; Các lịch sử tư tưởng và lý thuyết quản lý từ phương đông, phương Tây thời kỳ cổ đại, trung đại và hiện đại; Học phần mô tả các hoạt động trong hệ thống quản lý bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo điều hành, quản lý nhân lực, kiểm soát. Các nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý; Phân tích và thiết kế tổ chức; Thông tin trong quản lý; Quyết định quản lý và nhà lãnh đạo trong quản lý tổ chức. Từ đó hình thành thái độ đúng khi trở thành thành viên trong các tổ chức, có những hành vi, ứng xử phù hợp khi quản lý là tất yếu của tổ chức.
		KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH BẮT BUỘC

STT	Học phần	Mô tả học phần tóm tắt học phần
21	Nhập môn Công tác xã hội	Học phần cung cấp cho người học khái quát chung hệ thống kiến thức về công tác xã hội. Sinh viên nhận thức được mối quan hệ của công tác xã hội với một số lĩnh vực và các thành tố của công tác xã hội, qua đó hiểu được các đối tượng trợ giúp của ngành công tác xã hội, nghề và lịch sử phát triển của nghề này trên thế giới và Việt Nam. Giúp hình thành ở sinh viên kiến thức, kỹ năng tác nghiệp với các lĩnh vực và đối tượng cụ thể. Ngoài ra, sinh viên nhận thức được nơi làm việc của nhân viên công tác xã hội, cũng như các tổ chức, cơ quan trong và ngoài nước thực hành công tác xã hội.
22	Lý thuyết Công tác xã hội	Học phần cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về các lý thuyết giải thích và can thiệp trong Công tác xã hội trong đó có cấu trúc, nội dung cụ thể, các kỹ thuật, phân tích ứng dụng của lý thuyết trong phương pháp CTXH cá nhân, CTXH nhóm và phát triển cộng đồng cũng như quan điểm phát triển CTXH của mỗi quốc gia nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Từ đó người học có thể hình thành tư duy khoa học đối với các vấn đề xã hội, vận dụng hiệu quả trong thực hành công tác xã hội.
23	Chính sách xã hội	Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức chung về chính sách xã hội; Kiến thức cơ bản về hoạch định chính sách xã hội; Vận dụng được một số chính sách xã hội cơ bản hiện nay ở Việt Nam vào các tình huống cụ thể. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về tổ chức thực hiện chính sách xã hội và vai trò của nhân viên công tác xã hội trong thực hiện chính sách xã hội.
24	Đạo đức nghề CTXH	Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về đạo đức nghề công tác xã hội. Chương 1, những vấn đề chung về đạo đức nghề công tác xã hội: khái niệm đạo đức nghề, mục đích, vai trò, nội dung đạo đức nghề công tác xã hội, văn bản pháp luật của Việt Nam về đạo đức nghề công tác xã hội; Chương 2 cung cấp cho người học nội dung đạo đức nghề công tác xã hội của một số nước trên thế giới; chương 3, sinh viên hiểu và giải thích được trách nhiệm và mối quan hệ nghề nghiệp trong công tác xã hội; chương 4, thực hành đạo đức nghề công tác xã hội trong thực hành với một số đối tượng

STT	Học phần	Mô tả học phần tóm tắt học phần
25	An sinh xã hội	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về an sinh xã hội bao gồm các khái niệm, khuôn khổ lý thuyết về an sinh xã hội, lịch sử hình thành an sinh xã hội, mô hình an sinh xã hội ở một số nước trên thế giới. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mô hình an sinh xã hội Việt Nam, chính sách an sinh xã hội với một số nhóm đối tượng cụ thể: người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ và trẻ em, đối tượng mại dâm, người nghiện ma túy, người nhiễm HIV/AIDS.
26	Tâm lý học tham vấn	Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về học phần tâm lý học tham vấn: Chương 1, những vấn đề chung về tâm lý học tham vấn gồm các khái niệm, mối quan hệ, đối tượng mục đích nhiệm vụ của tâm lý học tham vấn và các phương pháp nghiên cứu tâm lý học tham vấn; Chương 2, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nhà tâm lý học tham vấn, điều kiện để trở thành tâm lý học tham vấn, các tổ chức và chứng nhận nghề của một nhà tham vấn tâm lý, đạo đức nghề nghiệp và những đặc điểm tâm lý cơ bản của nhà tham vấn tâm lý; Chương 3, sinh viên hiểu và vận dụng được các lý thuyết trong tâm lý học tham vấn; Chương 4 gồm kiến thức về các hình thức và tiến trình tham vấn cá nhân, nhóm, gia đình; Chương 5 là thực hành tham vấn với tư cách là một ngành khoa học và một khoa học ứng dụng.
27	Hành vi con người và môi trường xã hội	Học phần Hành vi con người và môi trường xã hội sẽ cung cấp những nội dung chính gồm: Vấn đề cơ bản về hành vi con người và môi trường xã hội như khái niệm về hành vi con người, phân loại hành vi, cơ sở sinh học và cơ sở xã hội của hành vi; mối quan hệ giữa nhận thức, thái độ và hành vi của con người; Khái niệm môi trường và phân loại môi trường; Các lý thuyết tiếp cận giải thích hành vi của con người sẽ giúp sinh viên lý giải được hành vi của con người ở nhiều góc độ khác nhau. Môn học đề cập đến mối quan hệ tương tác giữa hành vi con người ở các giai đoạn phát triển từ sơ sinh đến người cao tuổi và môi trường xã hội. Bên cạnh đó, môn học nói đến những vấn đề thực tiễn về môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và hành vi con người Việt Nam.

STT	Học phần	Mô tả học phần tóm tắt học phần
28	Quyền trẻ em và sự tham gia của trẻ em	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến cơ bản về quyền trẻ em được quy định trong Công ước quốc tế về quyền trẻ em của Liên hợp quốc và các văn bản Pháp luật Việt Nam về quyền trẻ em; Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự tham gia của trẻ em. Ngoài ra, học phần cung cấp những công cụ và phương pháp cơ bản giúp sinh viên nhận diện được hành vi vi phạm quyền trẻ em và tình hình thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam. Đồng thời, xác định rõ các chủ thể và trách nhiệm của các chủ thể trong việc thực hiện quyền trẻ em.
29	Truyền thông trong CTXH	Học phần cung cấp những hệ thống kiến thức về truyền thông và truyền thông trong công tác xã hội; vai trò của truyền thông đối với các hoạt động trợ giúp của công tác xã hội. Sinh viên vận dụng được kỹ năng truyền thông, thiết kế thông điệp trong hoạt động công tác xã hội.
30	Sức khỏe tâm thần	Môn học cung cấp những nội dung chính gồm: những vấn đề chung về sức khỏe tâm thần, với các khái niệm cơ bản, diễn giải và phân tích các yếu tố liên quan đến sức khỏe tâm thần (như xã hội, văn hóa, kinh tế, v.v.). Đồng thời, môn học cũng giới thiệu sơ lược về các rối loạn tâm thần, với những con số tỷ lệ dịch tễ cụ thể. Người học được giới thiệu và thực hành tìm hiểu về nội dung và hình thức, so sánh các hệ thống tiêu chí chẩn đoán rối loạn tâm thần trong ICD và DSM. Môn học cung cấp những kiến thức, thông tin cơ bản về cơ sở pháp lý của việc chăm sóc sức khỏe tâm thần như quyền con người và các chính sách liên quan trên thế giới và tại Việt Nam.
31	Công tác xã hội trường học	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về Công tác xã hội trường học: khái niệm, vai trò, chức năng, đối tượng của công tác xã hội trường học; Vai trò và những yêu cầu của nhân viên công tác xã hội trường học; Hệ thống trường học và một số vấn đề liên quan đến trường học hiện nay. Ngoài ra, học phần còn cung cấp những kiến thức về thực hành công tác xã hội trường học: Vai trò, hoạt động của nhân viên công tác xã hội trường học; Quy trình hỗ trợ học sinh có vấn đề trong trường học.

STT	Học phần	Mô tả học phần tóm tắt học phần
32	Tâm lý học trường học	Học phần Tâm lý học trường học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành trong Tâm lý học trường học. Xem xét nhiệm vụ, chức năng của chuyên viên tâm lý học đường trong môi trường học đường. Đưa ra các mô hình tâm lý học trường học của một số nước trên thế giới và Việt Nam. Tìm hiểu hệ thống phẩm chất, năng lực và các nguyên tắc đạo đức nghề; Các kỹ năng, quy trình hỗ trợ và các hoạt động phòng ngừa trong TLHTH.
33	Kỹ năng mềm	Học phần Kỹ năng mềm giúp sinh viên hình thành năng lực giải quyết vấn đề nhờ vào việc cung cấp những kiến thức, thực hành kỹ năng cơ bản và thái độ chuyên nghiệp. Những kỹ năng được đề cập đến trong học phần bao gồm các nhóm kỹ năng cơ bản: nhóm kỹ năng phát triển bản thân; nhóm kỹ năng phát triển nghề nghiệp và nhóm kỹ năng tương tác xã hội. Bên cạnh những kỹ năng người học có thể áp dụng trong hoạt động học tập, xử lý tình huống cuộc sống thì môn Kỹ năng mềm cũng hướng tới việc sinh viên có thể thích ứng với ngành học thông qua các tình huống, ví dụ thực tiễn gắn với lĩnh vực Tâm lý học và Công tác xã hội.
34	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần cho thanh thiếu nhi	Học phần này nhằm cung cấp các kiến thức tổng quan về chăm sóc sức khỏe tâm thần nói chung và chăm sóc sức khỏe tâm thần thanh thiếu nhi nói riêng. Đồng thời, môn học cũng cung cấp kiến thức về luật pháp, chính sách, mạng lưới và chương trình hỗ trợ sức khỏe tâm thần cho trẻ em và thanh thiếu nhi. Trên cơ sở đó, người học có khả năng thực hiện được các nhiệm vụ và hoạt động của nhân viên CTXH trong chăm sóc SKTT cho thanh thiếu nhi.
35	Tâm lý học giới	Học phần Tâm lý học giới sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Tâm lý học giới bao gồm: lịch sử hình thành tâm lý học về giới, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học giới; Các khái niệm cơ bản về giới và tâm lý giới; Các quan điểm tiếp cận của tâm lý giới; Các đặc điểm tâm lý giới ở các giai đoạn tuổi khác nhau và các vấn đề tâm lý giới ở một số lĩnh vực.
36	Công tác xã hội với người cao tuổi	Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về người cao tuổi, thực trạng người cao tuổi trên thế giới và Việt Nam, hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến quyền của người cao tuổi.

STT	Học phần	Mô tả học phần tóm tắt học phần
		Trên cơ sở đó, sinh viên nhận biết được những vấn đề, nhu cầu của người cao tuổi, phân tích được quy trình hỗ trợ người cao tuổi. Từ đó, sinh viên có thể ứng dụng được các lý thuyết tiếp cận, kỹ năng, vai trò của nhân viên công tác xã hội vào việc vận hành các mô hình hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi tại Việt Nam hiện nay.
37	Giáo dục học đại cương	Nội dung học phần Giáo dục học đại cương bao gồm hệ thống kiến thức chung về giáo dục con người được thể hiện cụ thể qua các nội dung như: Giáo dục học là một khoa học, giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích, nhiệm vụ, con đường giáo dục và nguyên lý giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân; hệ thống kiến thức chung về giáo dục như: Quá trình giáo dục, nguyên tắc giáo dục, nội dung và phương pháp giáo dục.
38	Công tác xã hội cá nhân	Học phần cung cấp các kiến thức về những vấn đề chung trong công tác xã hội cá nhân; Tiến trình công tác xã hội cá nhân; Các kỹ năng cơ bản trong công tác xã hội cá nhân. Ngoài ra, học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng của CTXH cá nhân để sinh viên vận dụng, giải quyết vấn đề cho thân chủ trong các tình huống thực tiễn; Sinh viên có ý thức và đạo đức nghề nghiệp khi sử dụng phương pháp CTXH cá nhân.
39	Công tác xã hội nhóm	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhóm, năng động nhóm, các giai đoạn phát triển nhóm; lịch sử phát triển, các lý thuyết ứng dụng, các mô hình, loại hình nhóm, tiến trình trong công tác xã hội nhóm và vai trò của nhân viên công tác xã hội. Từ đó, người học có khả năng nghiên cứu, vận dụng phân tích các vấn đề trong nhóm, đồng thời có kỹ năng cơ bản và ứng dụng trong thực hành công tác xã hội nhóm.
40	Phát triển cộng đồng	Học phần Phát triển cộng đồng sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng bao gồm: một số vấn đề cơ bản về phát triển cộng đồng như khái niệm cộng đồng, phát triển cộng đồng, các bước trong tiến trình phát triển cộng đồng, các công cụ sử dụng trong phát triển cộng đồng, nghề tác viên phát triển cộng đồng (phẩm chất, vai trò của tác viên phát triển cộng đồng và một số nội dung của nghề tác viên phát triển cộng đồng);

STT	Học phần	Mô tả học phần tóm tắt học phần
		các kiến thức về qui trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng. Có ý thức quan tâm tới việc giải quyết các vấn đề của cộng đồng.
41	Quản trị công tác xã hội	Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về quản trị và quản trị công tác xã hội, những kiến thức và kỹ năng về quản trị áp dụng trong các tổ chức, đặc biệt trong các tổ chức xã hội, các cơ sở xã hội, các cơ sở cung ứng dịch vụ phục vụ nhân sinh. Những kỹ năng cốt lõi như kỹ năng ra quyết định trong quản trị, công tác hoạch định, công tác tổ chức, bố trí nhân sự và quản lý nguồn nhân lực, lãnh đạo và truyền thông trong quản trị... được đặt trong bối cảnh cơ sở xã hội, phục vụ và cung cấp dịch vụ cho thân chủ. Sinh viên vận dụng được những kỹ năng của nhà quản trị công tác xã hội trong hoạt động trợ giúp thân chủ.
42	Thực hành Công tác xã hội cá nhân	Trong học phần sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, kỹ năng và quy trình trong Công tác xã hội cá nhân để thực hành với một thân chủ tại cơ sở. Sinh viên tiếp cận, tìm hiểu và xây dựng kế hoạch hỗ trợ một trường hợp cụ thể là cá nhân có vấn đề xã hội thông qua các giai đoạn của tiến trình công tác xã hội cá nhân: tiếp nhận thân chủ, thu thập thông tin và xác định vấn đề của thân chủ, xây dựng kế hoạch can thiệp, thực hiện kế hoạch, lượng giá và kết thúc
43	Thực hành Công tác xã hội nhóm	Thực hành Công tác xã hội nhóm là hình thức tổ chức đưa sinh viên xuống cộng đồng, các trường học, bệnh viện, trung tâm bảo trợ xã hội, trung tâm CTXH... để tập làm các công việc của một nhân viên xã hội đối với cá nhân thông qua kiến thức của CTXH nhóm trong một thời gian nhất định. Trong học phần này, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức phương pháp CTXH nhóm để tác nghiệp với một nhóm thân chủ tại cơ sở. Tiếp cận, tìm hiểu và lên kế hoạch giải quyết vấn đề cho nhóm thân chủ thông qua các giai đoạn của quá trình giải quyết vấn đề đối với nhóm được quy định trong kiến thức của CTXH nhóm.
44	Thực hành phát triển cộng đồng	Thực hành Phát triển cộng đồng là hình thức tổ chức đưa sinh viên xuống cộng đồng: xã, phường, thôn xóm, khu phố, bản làng,... để tập làm các công việc của một nhân viên xã hội trong lĩnh vực phát triển cộng đồng ở trong một thời gian nhất định. Thực hành Phát triển

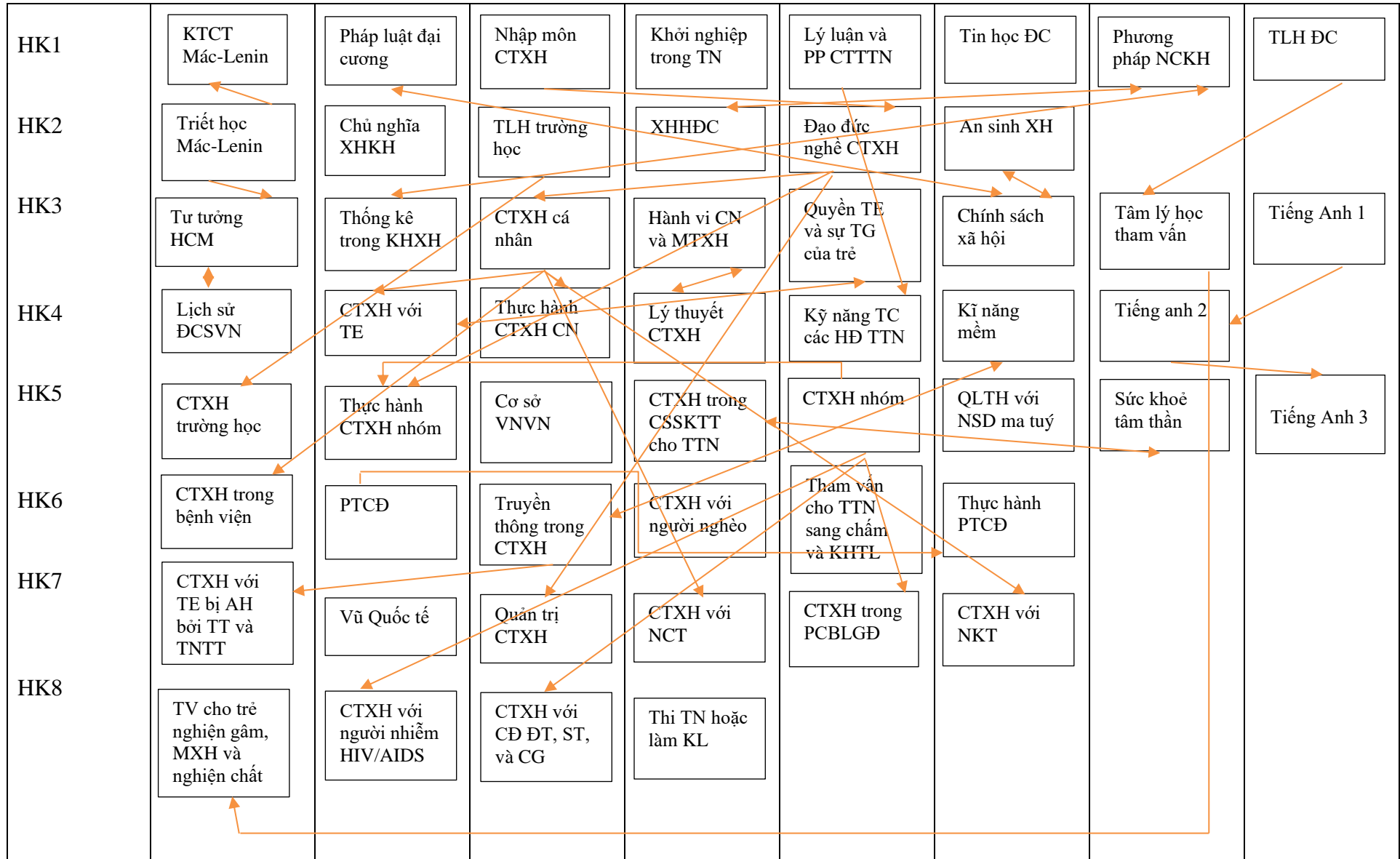
STT	Học phần	Mô tả học phần tóm tắt học phần
		cộng đồng cung cấp cho sinh viên những cơ hội để áp dụng những kiến thức được học vào quá trình tiếp cận, thâm nhập cộng đồng, tìm hiểu các vấn đề của cộng đồng, nhu cầu của cộng đồng và lên kế hoạch giải quyết các vấn đề của cộng.
45	Công tác xã hội với trẻ em	Học phần Công tác xã hội với trẻ em cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về trẻ em, hệ thống bảo vệ trẻ em và dịch vụ bảo vệ trẻ em. Ngoài ra, học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về công tác xã hội với một số nhóm trẻ em cần sự bảo vệ đặc biệt, quản lý trường hợp với trẻ em cần sự bảo vệ đặc biệt, một số kỹ năng và kỹ thuật trong công tác xã hội với trẻ em.
46	Công tác xã hội trong bệnh viện	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bệnh viện, các mối quan hệ và vấn đề trong bệnh viện. Hiểu biết về văn bản pháp luật liên quan đến CTXH trong bệnh viện như văn bản pháp luật quy định về CTXH trong bệnh viện, một số chính sách pháp luật hỗ trợ bệnh nhân. Qua đó người học có thể áp dụng kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề trong thực hành công tác xã hội tại bệnh viện.
47	Quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về người sử dụng ma túy, vai trò, yêu cầu và nguyên tắc nghề nghiệp của nhân viên QLTH, các hoạt động trợ giúp cũng như quy trình quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy. Giúp người học đánh giá được những khó khăn và nhu cầu, từ đó vận dụng các kỹ năng cần thiết để hỗ trợ người sử dụng ma túy.
48	Công tác xã hội với người khuyết tật	Học phần cung cấp sinh viên những kiến thức cơ bản về khuyết tật và người khuyết tật; Những đặc điểm tâm lý, sự kỳ thị và những rào cản của người khuyết tật; Pháp luật, chính sách và các mô hình dịch vụ trợ giúp người khuyết tật; các phương pháp và kỹ năng thực hành công tác xã hội với người khuyết tật.
49	Tiếng Anh 3	

STT	Học phần	Mô tả học phần tóm tắt học phần
50	Tham vấn cho thanh thiếu niên sang chấn và khủng hoảng tâm lý	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sang chấn như: Biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả của sang chấn ở trẻ em; Khủng hoảng và các giai đoạn khủng hoảng của trẻ em khi gặp sự kiện gây khủng hoảng. Nội dung chính của học phần là giúp người học thực hiện được cách thức và kỹ năng tham vấn cho trẻ em bị sang chấn và khủng hoảng.
51	Công tác xã hội với người nghèo	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản vấn đề nghèo, công tác xã hội với người nghèo; Hệ thống chính sách, dịch vụ xã hội đối với người nghèo; tiến trình CTXH với người nghèo; một số kỹ năng CTXH giúp tiếp cận với người nghèo trong tiến trình công tác xã hội với người nghèo.
		Tự chọn
52	Công tác xã hội với người di cư và nạn nhân bị buôn bán	Học phần này cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về người di cư và nạn nhân buôn bán người; Các hình thức can thiệp để hỗ trợ nạn nhân buôn bán trở về tái hòa nhập cộng đồng, bao gồm hỗ trợ cá nhân, hỗ trợ nhóm và truyền thông cộng đồng. Cung cấp những nội dung và cách thức nhân viên công tác xã hội có thể vận dụng để giáo dục, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống buôn bán người và hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán tái hòa nhập cộng đồng.
53	Công tác xã hội với trẻ em bị ảnh hưởng thiên tai và tai nạn thương tích	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thiên tai và tai nạn thương tích ở trẻ em. Một số kỹ năng cơ bản của nhân viên công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em bị ảnh hưởng thiên tai và tai nạn thương tích. Cung cấp tiến trình công tác xã hội với trẻ em bị ảnh hưởng thiên tai và tai nạn thương tích, từ đó giúp sinh viên thực hành một số mô hình phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ em.
54	Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình: khái niệm, vai trò, chức năng, đối tượng của công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình; hệ thống luật pháp, chính sách và các mô hình, dịch vụ trong phòng, chống bạo lực gia đình. Ngoài ra, học phần còn cung cấp những kiến thức và kỹ năng về thực

STT	Học phần	Mô tả học phần tóm tắt học phần
		hành công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình và hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình.
55	Công tác xã hội với người nhiễm HIV/AIDS	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các giai đoạn phát triển, các con đường lây truyền, cách phòng tránh lây nhiễm, thực trạng HIV/AIDS hiện nay. Đồng thời là kiến thức về đặc điểm tâm lý, nhu cầu của người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; mục đích, các mô hình, hệ thống chính sách pháp luật, các chương trình dự phòng, chương trình hỗ trợ điều trị cũng như vai trò của nhân viên công tác xã hội với người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. Từ đó người học có khả năng phân tích về vấn đề kỳ thị, phân biệt đối xử với người nhiễm và người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, tuân thủ những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và có kỹ năng cơ bản ứng dụng trong thực tế.
56	Tham vấn cho trẻ nghiện game, mạng xã hội và nghiện chất	Học phần trình bày quy trình tham vấn, một số kỹ năng, kỹ thuật cũng như hình thức tham vấn cho trẻ nghiện game, nghiện mạng xã hội, nghiện chất. Đồng thời đưa ra một số lưu ý trong quá trình tham vấn. Thực hành tham vấn tâm lý cho một buổi tham vấn với trẻ nghiện game, nghiện mạng xã hội và nghiện chất, Sinh viên vận dụng các kỹ năng đã học vào việc phân tích ca cũng như tiến hành tham vấn cho từng đối tượng thuộc từng trường hợp cụ thể.
57	CTXH với cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Công tác xã hội với người người đồng tính, song tính và chuyển giới, những yêu cầu về nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và các vai trò của nhân viên công tác xã hội trong trợ giúp người LGBT. Từ đó, áp dụng các phương pháp cơ bản của CTXH và thực hành kỹ năng trong trợ giúp người LGBT
58	Thực tập tốt nghiệp	Trong học phần này, người học vận dụng kiến thức về các phương pháp và kỹ năng công tác xã hội cụ thể để thực tập nghề nghiệp tại các đơn vị, cơ sở, địa phương có hoạt động nghề công tác xã hội. Từ đó người học có thể tiếp cận với các vấn đề xã hội tại cơ sở, đồng thời trợ giúp thân chủ theo tiến trình tương ứng với các phương pháp/ lĩnh vực cụ thể.

14. Sơ đồ các học phần trong chương trình

Học kì	Các học phần	
--------	--------------	--



Ghi chú: Môn học có mũi tên xuất phát có nội dung làm nền tảng cho môn học có mũi tên đến. Mũi tên hai chiều thể hiện các môn học có nội dung liên quan, hỗ trợ cho nhau

15. Ma trận liên kết giữa mục tiêu CTĐT (PO) và chuẩn đầu ra (PLO)

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra															
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16
PO1	X				X					X	X	X				
PO2		X											X	X	X	X
PO3			X	X		X	X	X	X							
PO4		X				X									X	
PO5		X	X	X			X	X	X						X	X

PHỤ LỤC 1
THANG ĐO ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC KIẾN THỨC, KỸ NĂNG VÀ MỨC
TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

Lĩnh vực về nhận thức	Bloom, 1956	- Ghi nhớ (khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi sinh viên có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học)	- Hiểu (khả năng diễn đạt ý nghĩa của thông điệp bằng miệng, văn bản hay hình ảnh. Hiểu không chỉ đơn thuần là nhắc lại một thông điệp nào đó. Chúng ta cần thể hiện sự hiểu biết của mình thông qua diễn giải, nêu gương, phân loại, tóm tắt, suy luận, so sánh và giải thích)	- Áp dụng (khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó)	- Phân tích (khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể)	- Đánh giá (khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể)	- Sáng tạo (khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới)
		K1	K2	K3	K4	K5	K6
Lĩnh vực về tâm vận động (kỹ năng)	Dave, 1975	- Bắt chước có quan sát: Quan sát và lặp lại có sự hiện diện của	- Làm lại theo cấu trúc nội tâm: Làm được khi được hướng dẫn	- Chính xác hóa hoạt động của cơ bắp: Thể hiện lại một cách	- Hoàn thiện thứ tự các hoạt động: Hai hoặc nhiều kỹ năng được kết hợp có	- Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới: Hai hoặc nhiều kỹ năng được kết hợp có	

		nguồn mẫu		chính xác các hoạt động, thao tác mà không có nguồn mẫu	trình tự và được thực hiện một cách nhất quán	trình tự và thực hiện nhất quán, dễ dàng. Tự động thể hiện được với ít sự gắng sức về thể chất hoặc tinh thần	
		S1	S2	S3	S4	S5	
Lĩnh vực về cảm xúc	Krathwohl, Bloom & Masia, 1973	Chú ý lắng nghe, quan sát và cảm nhận	- Tiếp nhận hiện tượng: Tham gia vào các hoạt động học tập một cách tích cực thông qua trao đổi, giao tiếp, báo cáo...	- Phản ứng với hiện tượng: Nhận thấy giá trị của các yếu tố trong học tập và làm việc và thể hiện ra ngoài bằng các hành động cụ thể nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng	- Chấp nhận giá trị (Valuing): Nhận ra giá trị cao nhất và tạo ra những hệ thống có giá trị nhất so với các giải pháp khác.	- Tổ chức, Ứng xử: Biên những giá trị thực tiễn thành động lực điều chỉnh hành vi.	
		A1	A2	A3	A4	A5	

PHỤ LỤC 2 TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học ~7% so với quy định (1-2 tiết/30tiết)	Vắng học ~14% so với quy định (3-4 tiết)	Vắng học ~20% so với quy định (5-6 tiết)	Vắng học quá 20% số giờ theo quy định	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%
Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo, ...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (N) (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75%N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50%N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25%N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài), nộp bài tập đúng hạn	Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài), nộp bài tập không đúng hạn	Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài), nộp bài tập không đúng hạn	Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài), nộp bài tập không đúng hạn	Không nộp bài tập cá nhân trên hệ thống; bài tập sao chép, đạo văn.	15%

Rubrics 2. Tiêu chí đánh giá tiểu luận, báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Phần mở đầu	Ngắn gọn, đầy đủ, rõ ràng, chính xác	Rõ ràng, đầy đủ, chính xác	Chính xác	Chưa chính xác	Không có phần mở đầu	10%
Phần lý luận	Ngắn gọn, đầy đủ, có nhiều trích dẫn rõ ràng	Ngắn gọn, đầy đủ, có trích dẫn rõ ràng	Đầy đủ, không có trích dẫn	Chưa đầy đủ, không có trích dẫn	Chép tài liệu nhiều mà không có trích dẫn	25%
Phần thực tiễn	Thực tiễn phong phú, phân tích thuyết phục, chỉ rõ các hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân, có minh chứng, trích dẫn đầy đủ	Phân tích thuyết phục, chỉ rõ các hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân, có minh chứng, trích dẫn đầy đủ	Phân tích làm rõ một số hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân, có minh chứng, trích dẫn	Thực tiễn nghèo nàn, phân tích chưa thuyết phục, phân phân tích hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân chưa thuyết phục	Phần thực tiễn viết không có bố cục rõ ràng	30%
Phần kiến nghị	Giải pháp toàn diện, có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn	Giải pháp có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn	Giải pháp chưa có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, hạn chế về ý nghĩa lý luận và thực tiễn	Giải pháp chưa toàn diện, chưa có cơ sở lý luận và thực tiễn, không có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn	Không có phần giải pháp hoặc giải pháp viết không có bố cục, không rõ ý	25%
Hình thức tiểu luận	Đẹp, rõ ràng, không có lỗi kỹ thuật và lỗi chính tả	Đẹp, rõ ràng, không có lỗi chính tả	Đẹp, rõ ràng, vẫn còn lỗi kỹ thuật và lỗi chính tả	Cẩu thả, còn nhiều lỗi kỹ thuật và lỗi chính tả	Không theo đúng quy chuẩn mẫu	10%

Rubrics 3. Tiêu chí đánh giá thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung phù hợp và chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung có một số phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan nhưng không trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày không liên quan, không trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	50%
Trình bày	Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; màu sắc hài hòa, nêu bật nội dung. Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.	Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; nêu bật nội dung. Các thuật ngữ, hình ảnh, ảnh biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.	Slide có bố cục hợp lý; nêu bật nội dung. Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.	Slide có bố cục hợp lý; màu sắc hài hòa. Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.	Slide không được đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.	20%
Trả lời câu hỏi (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Trả lời ngắn gọn, phù hợp, lập luận sắc bén. Tự tin khi trả lời.	Trả lời ngắn gọn, phù hợp. Tự tin khi trả lời.	Trả lời phù hợp. Hơi thiếu tự tin khi trả lời.	Trả lời ít liên quan đến câu hỏi. Thiếu tự tin khi trả lời.	Trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi. Thiếu tự tin khi trả lời.	30%

Rubrics 4. Tiêu chí đánh giá làm việc nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tổ chức, điều hành, phát triển nhóm	Nhiệm vụ từng thành viên cụ thể, rõ ràng. Tương tác giữa các thành viên trong nhóm rất tốt.	Nhiệm vụ từng thành viên cụ thể, rõ ràng. Tương tác giữa các thành viên trong nhóm tốt.	Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng. Hầu như có tương tác giữa các thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ từng thành viên không rõ ràng. Chưa có tương tác giữa các thành viên trong nhóm.	Không có hoạt động nhóm	30%
Thảo luận nhóm	Tích cực, chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thường xuyên đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Tích cực, chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thỉnh thoảng đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thỉnh thoảng đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ ràng, không liên quan đến yêu cầu của nhóm.	Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm	40%
Hợp tác nhóm	Tham gia đầy đủ các buổi họp nhóm. Tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt của các thành viên, khai thác được sức mạnh của sự khác biệt để đạt mục tiêu chung. Xử lý xung đột một cách tích cực, cởi mở, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Tham gia đầy đủ các buổi họp nhóm. Khai thác được sức mạnh của sự khác biệt để đạt mục tiêu chung. Xử lý xung đột một cách tích cực, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Vắng 1 buổi họp nhóm. Xử lý xung đột một cách tích cực, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Vắng 2 - 3 buổi họp nhóm	Không bao giờ tham gia thảo luận trong nhóm.	30%